TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 55/2022/HN-ST
Ngày: 08/12/2022
V/v: "*Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 323/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng S, sinh năm 1972, hộ khẩu thường trú: Phường T, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở hiện nay: Phường T, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Đình U, sinh năm 1977, hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 11, khu phố S, phường H, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2022, bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng S trình bày:

Bà và ông Lê Đình U sau quá trình tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, thiếu sự chung thủy dành cho nhau. Do không thống nhất được quan điểm trong việc lựa chọn nơi lập nghiệp, sinh sống lâu dài dẫn đến vợ chồng đã ly thân từ năm 2000 đến

nay. Vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống. Sau thời gian hơn 20 năm sống ly thân, bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không ai có mong muốn hàn gắn gia đình nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Đình U.

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng S yêu cầu được ly hôn với ông Lê Đình U.

Về con chung: Bà S xác định có 01 (một) con chung tên Lê Quốc B, sinh ngày 21/7/2000, đã trưởng thành bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa, ông Lê Đình U trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Hồng S sau thời gian quen biết thì tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại UBND phường T, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng bình thường, không phát sinh mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Năm 2003, ông U trở về thành phố Bà Rịa để thăm nhà rồi quyết định ở lại làm ăn, lập nghiệp. Ông cũng có đưa vợ con vào thành phố Bà Rịa sinh sống được thời gian khoảng 02 năm thì do vợ con không thích nghi được cuộc sống ở nơi này nên bà S quyết định đưa con về lại Quảng Bình sinh sống. Tuy nhiên, hàng năm, ông U vẫn về thăm vợ con hoặc ngược lại. Khoảng mấy năm gần đây, do tình hình dịch bệnh đi lại khó khăn nên ông U chưa có cơ hội gặp gỡ, thăm nom vợ con.

Nay ông U xác định vẫn còn tình cảm với vợ, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng đến mức phải ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông U xác định có 01 (một) con chung tên Lê Quốc B, sinh ngày 21/7/2000, đã trưởng thành bình thường nên ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến con chung

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Ngày 08/8/2022, bà Phạm Thị Hồng S có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với ông Lê Đình U; bị

đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về "tranh chấp ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy các đương sự vắng mặt nhưng và đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt nguyên bị đơn theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị Hồng S và ông Lê Đình U chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn ngày 21/4/1999 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10, quyển số I do UBND phường T, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của bà Phạm Thị Hồng S, quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn liên quan đến tính cách, niềm tin, sự xung đột về nơi sinh sống - lập nghiệp nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2000 đến nay và không thể hàn gắn, đoàn tụ. Còn ông Lê Đình U cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng đến mức phải ly hôn. Tòa án đã tạo điều kiện cho ông U tiếp cận tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bao gồm Đơn khởi kiện và bản tự khai của bà Phạm Thị Hồng S có thể hiện lý do bà S yêu cầu ly hôn nhưng ông U vẫn giữ nguyên quan điểm vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nếu có thì là lỗi của bà Sen đó là ghen tuông vô cớ, thích quản lý chồng,…. Ông U xác nhận vợ chồng hiện không sống chung. Từ khi ông biết sự việc bà S yêu cầu ly hôn, giữa hai vợ chồng vẫn không có động thái hàn gắn tình cảm.

Tòa án đã tiến hành mời các bên đến làm việc để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và tạo điều kiện để hòa giải cho vợ chồng ông bà theo hướng đoàn tụ nhưng không thể hòa giải được do bà S có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Bà S nhiều lần có văn bản ý kiến thể hiện sự cương quyết yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Đình U.

Qua xác minh, được biết, ông Lê Đình U và bà Phạm Thị Hồng S là vợ chồng nhưng chỉ chung sống với nhau từ thời gian ngắn thì bắt đầu ly thân, cụ thể là đã ly thân từ năm 2000; giữa hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng.

Từ đó xác định mâu thuẫn giữa bà S và ông U là có thật, không thể hàn gắn và khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà S đối với ông U là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo sự xác nhận của các đương sự, bà S và ông U có 01 (một) chung tên Lê Quốc B, sinh ngày 21/7/2000 thể hiện tại Giấy khai sinh số 62 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 11/8/2000. Con chung hiện nay đã trưởng thành bình thường,

không đương sự nào yêu cầu giải quyết các vấn đề liên quan đến con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà S phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng S.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng S ly hôn với ông Lê Đình U.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Lê Quốc B, sinh ngày 21/7/2000, đã trưởng thành bình thường.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng S phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004772 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà S đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-VKSND thành phố Bà Rịa;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
-THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND Phường T, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;
-Các đương sự;
-Lưu: Hồ sơ, VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thị Thanh Tâm